

HỆ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XUNG ĐỘT XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN BÁ DƯƠNG*

Thực tiễn phát triển ở nhiều nước trên thế giới hiện nay, trong đó có Việt Nam cho thấy quốc gia nào cải cách kinh tế càng nhanh, biến đổi xã hội không theo kịp thường dẫn đến những phản ứng, xung đột xã hội.

Qua trình đổi mới ở nước ta trong hơn 25 năm qua thực chất là quá trình chuyển đổi mô hình xã hội và quản lý phát triển xã hội trong xu thế toàn cầu hóa. Đó cũng là quá trình chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp truyền thống sang xã hội công nghiệp hiện đại, từ mô hình, chính sách, cơ chế quản lý cũ sang mô hình, chính sách, cơ chế quản lý mới.

Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, cũng nảy sinh nhiều hạn chế, bất cập. Phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo đang diễn ra gay gắt. Xung đột xã hội ở một số lĩnh vực có chiều hướng gia tăng dễ dẫn đến bất ổn định xã hội, tạo nên những thách thức mới trong quản lý phát triển xã hội.

Để giúp cho các nhà quản lý có cơ sở nhận diện đúng các loại hình xung đột xã hội và lựa chọn phương pháp quản lý xã hội phù hợp, hiệu quả; dựa trên kết quả nghiên cứu của một số đề tài gần đây về xung đột xã hội, chúng tôi đã phân tích và xây dựng hệ tiêu chí sau đây.

1. Khái niệm tiêu chí, hệ tiêu chí nhận diện xung đột xã hội

1.1. Khái niệm tiêu chí

Khái niệm tiêu chí đã và đang được sử dụng rộng rãi trong đời sống xã hội ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, việc sử dụng khái niệm này, bên cạnh những trường hợp sử dụng đúng cũng còn không ít các trường hợp người nói, người viết đã sử dụng chưa thật đúng, chưa thật sát, chưa phù hợp, thậm chí còn nói sai, viết sai; biến khái niệm này trở thành đa nghĩa, đa ngành trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa-xã hội, chính trị. Theo tác giả, việc sử dụng khái niệm tiêu chí trong các bài nói, bài viết, nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng có thể phân loại theo các hướng sau:

- Có khoảng 10% sử dụng khái niệm tiêu chí *không rõ hàm nghĩa* hoặc *vô nghĩa*. Khoảng 30% sử dụng khái niệm tiêu chí với nghĩa *mục tiêu, mục đích*; 20% dùng khái niệm tiêu chí với nghĩa *yêu cầu, điều kiện*; 35% dùng khái niệm tiêu chí với nghĩa *tiêu chuẩn*; chỉ có 5% dùng khái niệm *tiêu chí đúng với hàm nghĩa* của nó.

Trong các từ điển tiếng Việt, khái niệm tiêu chí được hiểu là *tính chất dấu hiệu làm căn cứ để nhận biết, xếp loại một sự vật, hiện tượng nào đó*. Thí dụ: Trong "Từ điển từ và ngữ Việt Nam" của Nguyễn Lâm, khái niệm tiêu chí được hiểu với hai hàm nghĩa:

- *Dấu hiệu dựa vào mà đánh giá* (tiêu chí của tinh thần yêu nước)

* PGS.TS, Học viện Chính trị-Hành chính Khu vực I.

- *Cơ sở của một điểm phê phán*: Phong cách là một tiêu chí để đánh giá một tác phẩm văn học

Tóm lại, khái niệm “tiêu chí” được hiểu với hàm nghĩa là tính chất, dấu hiệu đặc trưng để nhận biết, xem xét, hoặc phân loại một sự vật, hiện tượng nào đó.

Khái niệm “tiêu chí” về nội hàm có sự gắn gũi với khái niệm tiêu chuẩn song không đồng nhất. Khái niệm “tiêu chuẩn” theo chữ Hán Nôm gồm hai từ ghép lại, “tiêu” tức là nêu lên, “chuẩn” tức là phép tắc đúng đắn. “Tiêu chuẩn” là điều kiện được quy định, là mẫu mực để đánh giá hay phân loại.

1.2. Khái niệm hệ tiêu chí nhận diện xung đột xã hội

Hệ tiêu chí là tập hợp các tiêu chí theo một căn cứ nào đó để nhận biết, xem xét, phân loại các sự vật, hiện tượng cùng loại.

Trong bài viết này, *Hệ tiêu chí* được quan niệm là tập hợp các tiêu chí cơ bản để đánh giá hay nhận biết các hình thức xung đột xã hội dựa vào lĩnh vực thể hiện xung đột.

Tiêu chí đánh giá xung đột xã hội là những tính chất, dấu hiệu đặc trưng để nhận biết, xem xét, phân loại các xung đột xã hội đã và đang diễn ra ở Việt Nam.

Thí dụ: Đặc trưng về cường độ, mức độ, phạm vi, chức năng của các xung đột xã hội được coi là tiêu chí để nhận biết, đánh giá.

Hệ tiêu chí đánh giá xung đột xã hội là tập hợp các tiêu chí theo một căn cứ nào đó để nhận biết, xem xét, đánh giá các xung đột xã hội nói chung hay xung đột xã hội dựa vào lĩnh vực thể hiện của nó.

Hệ tiêu chí đánh giá xung đột xã hội bao gồm:

- *Những tiêu chí chung* để nhận biết, xem xét, đánh giá... một xung đột xã hội nào đó.
- *Những tiêu chí riêng* để nhận biết, xem xét, đánh giá những xung đột xã hội theo lĩnh vực thể hiện của chúng. Ví dụ: Những xung đột kinh tế, xung đột chính trị, xung đột văn hóa.

1.3. Cơ sở xây dựng tiêu chí đánh giá xung đột xã hội

Để đảm bảo tính khách quan, khoa học, phù hợp với thực tiễn xã hội và yêu cầu trong quản lý phát triển xã hội ở nước ta hiện nay, theo chúng tôi khi xác định tiêu chí đánh giá xung đột xã hội cần dựa trên những cơ sở sau đây:

1.3.1. Phép biện chứng duy vật là cơ sở phương pháp luận để xác định các tiêu chí đánh giá xung đột xã hội.

- Xung đột xã hội là một hiện tượng, một quá trình xã hội nên nó cũng có tính chất là vận động, biến đổi và diễn ra dưới dạng quá trình - có khởi đầu, diễn biến và kết thúc trong một khoảng thời gian nhất định, ở một địa điểm nhất định. Từ đây cho thấy đặc trưng về *tính quá trình* (xung đột mới xuất hiện, diễn biến lâu chưa, đã kết thúc chưa) và thời gian diễn ra xung đột được xác định là tiêu chí để nhận biết, đánh giá.

Xung đột xã hội là tình trạng mâu thuẫn hoặc ngầm ngầm ẩn chứa các mâu thuẫn của các cấu thành xã hội có sự đối lập khách quan về các lợi ích, các mục đích và các khuynh hướng phát triển vốn không hoặc chưa phù hợp nhau song điều đó không có nghĩa mâu thuẫn xã hội và xung đột xã hội là đồng nghĩa. Xung đột xã hội là sự biểu hiện của những mâu thuẫn xã hội

khách quan hoặc chủ quan giữa các bên (những người đại diện); song mâu thuẫn, sự đối lập chỉ trở thành xung đột xã hội khi những hiện tượng đại diện cho chúng bắt đầu tác động lẫn nhau. Từ cơ sở đã đề cập trên cho thấy sự bất đồng về lợi ích, giá trị cũng được coi là tiêu chí để nhận biết, đánh giá xung đột xã hội từ góc độ *nguyên nhân* của nó.

1.3.2. Cơ sở xã hội học, tâm lý học xã hội để xác định tiêu chí đánh giá xung đột xã hội

- Khi nghiên cứu về xung đột xã hội, các lý thuyết xã hội học đã làm rõ những vấn đề cơ bản như: chủ thể, khách thể của xung đột; các hình thức xung đột cơ bản; các giai đoạn phát triển xung đột và chức năng xung đột. Trên cơ sở này sẽ giúp chúng ta xác định được một số tiêu chí chung để nhận biết và đánh giá các xung đột.

- Những nghiên cứu tâm lý-xã hội về xung đột, về *thuộc tính, quan hệ, trung tâm gây ra xung đột, hoàn cảnh xã hội, chiến lược và chiến thuật được sử dụng của các phía gây ra xung đột, hậu quả của xung đột* không chỉ là cơ sở để xác định các tiêu chí nhận biết, đánh giá mà còn giúp chúng ta phân loại các xung đột xã hội.

2. Hệ tiêu chí để nhận biết, đánh giá các xung đột xã hội

Xuất phát từ những cơ sở như đã phân tích ở trên có thể xác định hệ tiêu chí để nhận biết, đánh giá các xã hội như sau:

2.1. Mặt biểu hiện của xung đột xã hội

Xung đột xã hội là một hiện tượng xã hội, là một hiện tượng tâm lý-xã hội. Đời sống tinh thần, đời sống tâm lý cá nhân hay tâm lý xã hội (tâm lý của nhiều người) mặc dù phong phú, đa dạng song có thể khái quát lại thành ba mặt biểu hiện:

- Những hiện tượng tâm lý-xã hội thuộc về mặt *nhận thức* như quan điểm, chính kiến, trình độ nhận thức, tư duy của cá nhân hay của nhóm, cộng đồng xã hội, tâm lý xã hội (xung đột nhận thức);

- Những hiện tượng tâm lý-xã hội thuộc về mặt *xúc cảm-tình cảm*: sự hài lòng, đồng tình, thái độ tích cực hay tiêu cực, chống đối hay ủng hộ của cá nhân hay của nhóm, cộng đồng, giai cấp (xung đột cảm xúc);

- Những hiện tượng tâm lý xã hội thuộc về mặt *hành vi* như: hành vi ủng hộ hay hành vi phản đối, kiến nghị thông qua biểu tình, bãi công, hành vi chống phá, hành vi bạo loạn (xung đột bằng hành vi);

Những xung đột xã hội thường biểu hiện ở cả 3 mặt trên, song thể hiện rõ nhất vẫn là dưới dạng hành vi. Chính vì vậy, theo chúng tôi “*tiêu chí về mặt biểu hiện khi nhận biết, đánh giá xung đột xã hội chủ yếu tập trung vào những xung đột xã hội ở dạng (mặt) hành vi*”.

2.2. Hình thức (loại hình) xung đột xã hội

Tiêu chí này giúp chúng ta nhận biết, đánh giá các xung đột xã hội ở hai loại hình cơ bản sau:

2.2.1 Nhận diện xung đột xã hội theo các lĩnh vực thể hiện của chúng gồm:

Xung đột xã hội trong lĩnh vực kinh tế

Đây là loại xung đột xã hội mang tính phổ biến hiện nay, đặc biệt khi đất nước đang tiến

hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Về thực chất nền kinh tế thị trường là sân chơi của các chủ thể kinh tế nên nó cũng là nơi các cuộc xung đột xã hội thường xuyên xảy ra không chỉ dưới dạng cạnh tranh mà còn cả ở hình thức ký kết và thực hiện các hợp đồng thương mại bằng đối thoại và bằng cả những hành vi khác nhau (kể cả hành vi lừa dối, đe dọa, cưỡng bức) với mục đích buộc đối phương phải chấp nhận theo hướng có lợi cho mình.

Mặt khác, sự phát triển nhanh về kinh tế thị trường cũng dẫn đến phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo nhanh dẫn đến bất đồng về lợi ích kinh tế nên đã xuất hiện những xung đột xã hội nghiêm trọng như: đình công, bãi công, sa thải công nhân, khủng hoảng tài chính, nợ công....

Xung đột trong lĩnh vực chính trị

Trong xã hội dân chủ, sự xuất hiện các xung đột về chính trị được coi là chuyện bình thường. Ở Việt Nam, chúng ta đang tiến hành sự nghiệp đổi mới, với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Mô hình phát triển xã hội ở nước ta mới đang từng bước được xây dựng; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng chưa được hoàn thiện. Chính từ đặc điểm riêng này đặt ra vấn đề quản lý, giải quyết các xung đột về chính trị rất phức tạp và khó khăn. Làm thế nào sử dụng các xung đột chính trị để góp phần dân chủ hóa, phát triển xã hội song mặt khác lại đảm bảo an ninh, trật tự xã hội để phát triển là vấn đề rất cần được quan tâm trong quản lý phát triển xã hội.

Hiện nay, các xung đột chính trị như các cuộc nổi dậy, gây rối loạn của quần chúng có qui mô lớn (từ 100 người trở lên), thậm chí có cả các cuộc bạo loạn ở nhiều nước trên thế giới cho thấy một mặt có liên quan chặt chẽ đến vấn đề dân tộc, tôn giáo; mặt khác phần lớn còn bị chi phối, tác động của các thế lực ngoài nước. Những cuộc bạo động ở Tây Nguyên cho thấy rõ sự tác động, xúi dục của phản động nước ngoài chứ không chỉ xuất phát từ nguyên nhân nội bộ.

Ở Việt Nam, những xung đột chính trị có thể khái quát thành 3 loại:

- + Những xung đột nhằm chống phá chính quyền, vi phạm pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- + Những xung đột về dân tộc, tôn giáo.
- + Những xung đột nhằm đòi "đa nguyên-đa đảng", xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Những xung đột xã hội về văn hóa

Cụm từ "xung đột văn hóa" hay "đụng độ văn hóa" được dùng để chỉ những đặc thù, khác biệt dẫn tới sự phản ứng của các cộng đồng, dân tộc trên các phương diện:

- + Từ giác độ địa lý, có đụng độ văn hóa giữa phương Đông và phương Tây;
- + Từ giác độ lịch sử, có đụng độ văn hóa truyền thống và hiện đại;
- + Từ giác độ quốc gia, có đụng độ văn hóa ngoại lai và bản địa;
- + Từ giác độ phát triển xã hội, có đụng độ văn hóa công nghiệp và văn hóa nông nghiệp

(nền văn minh công nghiệp và văn minh nông nghiệp)¹.

Những xung đột xã hội xuất phát từ văn hóa hiện nay, xuất phát từ quá trình hội nhập khu vực và quốc tế trên cơ sở vấn đề đa sắc tộc, đan xen văn hóa; vấn đề di dân, giữa truyền thống và hiện đại. Trong một quốc gia một biểu hiện rõ của xung đột văn hóa là vấn đề sắc thái văn hóa vùng, miền, địa phương, vấn đề ngôn ngữ, phong tục tập quán, cách làm ăn, cách sống. Ngoài những yếu tố trên, xung đột văn hóa cộng đồng còn do có sự chênh lệch về mức sống, chất lượng sống và phong cách sống của các dân tộc; điều kiện địa lý, điều kiện phát triển; sự phân chia lại đất đai.

Xung đột trong lĩnh vực xã hội (ở nghĩa hẹp)

Xung đột trong lĩnh vực xã hội (ở nghĩa hẹp) là loại hình xung đột phổ biến ở nước ta hiện nay. Các xung đột trong lĩnh vực xã hội bao gồm:

- + Xung đột xã hội trong lĩnh vực lao động.;
- + Xung đột xã hội liên quan đến đất đai;
- + Xung đột xã hội liên quan đến an sinh xã hội;
- + Xung đột xã hội liên quan đến môi trường sống;
- + Xung đột xã hội liên quan đến tệ nạn, tội phạm xã hội;

Xung đột xã hội trong lĩnh vực lao động là sự bất đồng, tranh chấp trong quan hệ lao động giữa một bên là người sử dụng lao động và một bên là người lao động (chủ yếu là công nhân). Theo thống kê chưa đầy đủ, đến hết năm 2008, cả nước xảy ra 330 cuộc đình công và ngừng việc tập thể, trong đó có 90% các vụ đình công liên quan đến tiền lương, tiền công. Nguyên nhân chủ yếu là phía người sử dụng lao động đã vi phạm quyền và lợi ích của người lao động.

Xung đột xã hội trong lĩnh vực đất đai trong thời kỳ bao cấp ít xảy ra, song từ khi phát triển kinh tế thị trường, đô thị hóa, đất đai đã được nhận thức đầy đủ và được đưa về đúng với giá trị của nó (tác đất, tác vàng). Xung đột về đất đai chủ yếu còn xuất phát từ phía chính quyền các cấp, doanh nghiệp thiếu trách nhiệm, giải quyết chưa công bằng và từ chính sách đền bù, sử dụng đất thu hồi. Những năm gần đây loại xung đột về đất đai có chiều hướng gia tăng.

Các xung đột trong lĩnh vực đất đai còn liên quan đến chính sách của Nhà nước về đất đai sau giải phóng. Diện tích đất để hoang hóa trong chiến tranh, đất hưu canh, đất xáo trộn chuyển đổi trong quá trình gia nhập vào hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Bên cạnh đó, với tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa mạnh mẽ như hiện nay thì nguồn vốn từ đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng đã phải sử dụng một diện tích rất lớn đất sản xuất nông nghiệp, vì vậy cùng với mục đích đòi đền bù, đòi hỗ trợ kinh tế qua thu hồi đất là các mục đích đòi công bằng trong phân chia quyền lợi cho tập thể, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp.

Xung đột xã hội liên quan đến môi trường là loại hình mới nhất xuất hiện ở nước ta từ khi tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây được coi là loại xung đột về lợi ích giữa các nhóm khác nhau trong xã hội trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và các thành phần môi trường. Sự xung đột này có thể là xung đột lợi ích giữa các chủ thể

¹ Guo Jiemin. 2004. Thử bàn về độn độ văn hóa trong quan hệ quốc tế. Viện Thông tin Khoa học xã hội, số 85, 86, Hà Nội, bản tiếng Việt.

khác nhau trong xã hội như doanh nghiệp, cộng đồng người dân, các hội nghề nghiệp, hội bảo vệ môi trường, cơ quan quản lý nhà nước, giữa các quốc gia. Nó có thể diễn ra ở nhiều cấp độ: từ xung đột về nhận thức, xung đột mục tiêu, xung đột về lợi ích dẫn đến những xung đột gay gắt như biểu tình phản đối, thậm chí sử dụng vũ lực làm mất ổn định chính trị, xâm hại đến an ninh quốc gia.

2.2.2. Nhận diện xung đột xã hội theo nguyên nhân và nhận thức chủ quan về tình thế xung đột

Ngoài nhận diện xung đột xã hội theo lĩnh vực thể hiện như đã trình bày ở trên còn có thể nhận diện xung đột xã hội theo nguyên nhân và nhận thức chủ quan về tình huống xung đột. Người ta phân ra các dạng:

* *Xung đột giả*: Chủ thể quan niệm tình thế là xung đột, mặc dù không hề có một nguyên nhân thực sự để xung đột.

* *Xung đột tiềm năng*: Đã có cơ sở thực tế để phát sinh xung đột, nhưng đến lúc đó một trong các bên hoặc cả hai bên do những nguyên nhân này hay nguyên nhân khác (chẳng hạn vì thiếu thông tin) còn chưa ý thức tình thế là xung đột.

* *Xung đột thực*: Mâu thuẫn giữa các bên đã thực sự xuất hiện, về phần mình xung đột có thể phân ra các dạng phụ như sau:

- *Xung đột có tính xây dựng*: Xuất hiện trên cơ sở những mâu thuẫn có thực giữa các chủ thể.

- *Xung đột ngẫu nhiên*: Xung đột phát sinh trên cơ sở giả tạo khi nguyên nhân thực của xung đột bị giấu kỹ. Chẳng hạn một người dân không được cấp chính quyền cơ sở giải quyết theo kiến nghị cá nhân thì đi tìm bất cứ lý do nào để xung đột với cấp chính quyền;

- *Xung đột bị gán ghép không đúng*: Đó là xung đột mà trong đó người khởi xướng thực, chủ thể xung đột, đứng sau "hậu trường" cuộc đối đầu, còn những người tham gia không liên quan đến xung đột được sử dụng trong xung đột. Ví dụ, người ta kết án một người mà tội danh không liên quan đến anh ta¹.

2.3. Các chủ thể tham gia xung đột

Từ nghiên cứu thực tiễn cho thấy khái niệm "*chủ thể*" và "*người tham gia*" xung đột không phải bao giờ cũng đồng nhất.

Chủ thể đó là "bên tích cực" có năng lực tạo ra tình thế xung đột và ảnh hưởng đến tiến trình xung đột phù hợp với lợi ích của mình. Trong chủ thể này nhiều khi xuất hiện vai trò "thủ lĩnh đại diện".

Người tham gia xung đột có thể tự giác hay không hoàn toàn ý thức được mục đích và nhiệm vụ đối kháng tham gia vào xung đột.

Trong quá trình phát triển xung đột, quy chế của "những người tham gia" và của "các chủ thể" cũng có thể đổi chỗ cho nhau. Mặt khác cũng cần phân biệt người tham gia trực tiếp và người tham gia gián tiếp. Thông thường người tham gia gián tiếp là các thể lực nào đó theo đuổi lợi ích riêng tư của mình. Mặt khác cần chú ý trong các xung đột có tính bạo loạn, do cơ chế tâm lý bất chước và lây lan dẫn đến tình trạng đám đông tham gia hầu như không có ý thức

¹ Vũ Quang Hà. 2002. Xã hội học đại cương. Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 112-113.

dễ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt.

2.4. Hoàn cảnh và phạm vi diễn ra xung đột

2.4.1. Tiêu chí hoàn cảnh xã hội diễn ra xung đột

Thể hiện qua các đặc trưng về những khả năng và hạn chế; những điều kiện thuận lợi và lực cản, sự tác động của chúng đến chiến lược, chiến thuật khác nhau để điều chỉnh và khắc phục xung đột; cũng như những đặc điểm của chuẩn mực xã hội và những hình thức được quy chế hóa để giải quyết xung đột.

Ở Việt Nam hiện nay, tiêu chí này được tập trung vào các điểm sau:

- Mức độ dân chủ hóa trong đời sống xã hội mà biểu hiện cụ thể của nó là việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, cơ chế đảm bảo cho mọi người dân tham gia vào công tác quản lý xã hội, phòng chống tham nhũng.

- Chính sách, pháp luật của nhà nước có liên quan. Thông thường có 4 dấu hiệu giải quyết các xung đột xã hội bằng pháp luật:

+ Xung đột xã hội được xem xét và giải quyết bởi cơ quan được Nhà nước trao quyền - cơ quan có thẩm quyền (các cấp chính quyền, công an, toà án...)

+ Cơ quan giải quyết xung đột xã hội hoạt động trên cơ sở và để thi hành các quy phạm pháp luật.

+ Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên tranh chấp có quyền và nghĩa vụ nhất định do pháp luật quy định.

+ Quyết định do cơ quan giải quyết xung đột đưa ra có hiệu lực thực hiện bắt buộc đối với các bên cũng như đối với các cá nhân và tổ chức khác có liên quan.

Trên cơ sở pháp luật mà xung đột xã hội có "những diện mạo" rõ ràng, xung đột được "hình thức hóa" và bản thân thủ tục xem xét giải quyết nó cũng được hình thức hóa.

- Dư luận xã hội đồng tình hay phản đối xung đột xã hội khi diễn ra.

- Giới hạn của pháp luật cho phép được tập trung đông người, được biểu tình về thời gian, quy mô và tính chất.

2.4.2. Tiêu chí về phạm vi lan tỏa của xung đột xã hội

Được xem xét qua các dấu hiệu đặc trưng sau đây:

- Nơi xuất hiện và diễn ra xung đột xã hội (không gian lãnh thổ của xung đột);

- Sự lan tỏa của xung đột xã hội về chiều rộng;

- Có hay không sự nảy sinh những xung đột mới trong quá trình diễn ra xung đột;

- Tác động của cơ chế tâm lý bất chước, lây lan trong quá trình diễn ra xung đột;

2.5. Tiêu chí về tính động cơ và nguyên nhân diễn ra xung đột xã hội

2.5.1. Tính động cơ của xung đột

Tính động cơ là cái quyết định mang tính chủ quan, trực tiếp đối với hành vi mà con người thể hiện ra thế giới bên ngoài. Động cơ không chỉ là yếu tố thúc đẩy hành vi của người chủ mưu mà còn có cả ở hành vi của những người tham gia xung đột. Mặt khác, động cơ thúc đẩy hành vi của các chủ thể khác nhau có thể là không giống nhau, thậm chí là trái

ngược nhau.

Thực tiễn cho thấy nhiều khi tính đối lập về động cơ, về lợi ích giữa các bên không lớn lắm, song trong quá trình giải quyết do bên này hay bên kia sử dụng những phương pháp xúc phạm nhau đã thúc đẩy xung đột phức tạp kéo dài và động cơ xung đột có thể chuyển đổi sang động cơ khác (ví dụ: *Xung đột giữa đồng bào Mường ở xóm Xoan - Ba Vì - Hà Tây (cũ) với Công ty Bình Minh*, ngày 29/8/2004).

2.5.2. Tiêu chí về nguyên nhân của xung đột xã hội

Triết học Mác-Lênin đã chỉ rõ: các mâu thuẫn xã hội là sự phản ánh đặc thù thực chất của xã hội, là động lực quyết định sự phát triển của xã hội. Trong bất cứ xã hội nào, sự hình thành xung đột gắn liền một cách có giới hạn với sự xuất hiện và phát triển các mâu thuẫn xã hội. Sự bùng nổ và phát triển các xung đột xã hội phản ánh giai đoạn đấu tranh cao nhất của các mặt đối lập.

Thực tế cho thấy, các mâu thuẫn khách quan của xã hội gắn liền với vấn đề bất bình đẳng của con người về các khả năng trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trong một xã hội luôn tồn tại những mâu thuẫn đối kháng và không đối kháng; mâu thuẫn thuộc về cấu trúc và mâu thuẫn không thuộc về cấu trúc; mâu thuẫn thuộc về chức năng và mâu thuẫn không thuộc về chức năng. Chính vì thế việc nhận rõ, phân loại mâu thuẫn có ý nghĩa quan trọng để nhận thức về bản chất các xung đột xã hội.

Có nhiều nguyên nhân (khách quan, chủ quan) dẫn đến xung đột xã hội, *song dù hành vi đối lập có xuất phát từ nguyên nhân cụ thể nào đi chăng nữa, thì xét đến cùng chúng đều xuất phát từ vấn đề lợi ích mà trong trường hợp xung đột là không cùng chung lợi ích hoặc lợi ích đối lập nhau.*

2.6. Tiêu chí về diễn biến của xung đột xã hội

Diễn biến của xung đột xã hội là sự vận động, sự phát triển của nó. Tiêu chí diễn biến giúp chúng ta nhận biết được từng giai đoạn phát triển của xung đột xã hội và diễn biến của từng xung đột xã hội trong mỗi giai đoạn đó.

Theo các nhà nghiên cứu, xung đột xã hội thường diễn ra theo 4 giai đoạn:

2.6.1. Giai đoạn tiền xung đột (giai đoạn tiềm ẩn)

Đây là giai đoạn gia tăng căng thẳng trong quan hệ giữa các chủ thể tiềm tàng của xung đột trên cơ sở những mâu thuẫn được khẳng định. Tuy nhiên, chỉ những mâu thuẫn nào được các chủ thể tiềm tàng của xung đột nhận thức là những mặt đối lập xung khắc nhau về lợi ích, mục đích, giá trị... mới dẫn đến tình huống xung đột - căng thẳng xã hội gay gắt.

Sự gia tăng căng thẳng xã hội theo các nhà nghiên cứu² thường xuất phát từ ba nguyên nhân:

- "Những người tổn thương" thực sự về lợi ích, nhu cầu và giá trị của mọi người.
- Nhận thức không đúng về những thay đổi đang xảy ra trong xã hội hoặc trong một số cộng đồng xã hội.

² Vũ Quang Hà, Sách đã dẫn... tr. 113-114.

- Thông tin sai hoặc bóp méo về các sự kiện, biến cố này hay khác.

Căng thẳng xã hội và thái độ không vừa lòng được coi là trạng thái tâm lý của mọi người trước khi bắt đầu xung đột.

Trong giai đoạn tiền xung đột, các nhà nghiên cứu xã hội học lại chia làm 3 thời kỳ với những đặc điểm tương ứng sau:

- Phát sinh các mâu thuẫn về khách thể tranh chấp nào đó, gia tăng thái độ không tin cậy và căng thẳng xã hội; đưa ra các yêu sách đơn phương; giảm tiếp xúc và tích tụ sự oán giận.

- Cố gắng chứng minh tính đúng đắn trong những yêu sách của mình và buộc tội đối thủ không muốn giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng những biện pháp "công bằng", thu mình trong những khuôn mẫu của riêng mình; xuất hiện thái độ định kiến và hằn học trong tình cảm.

- Phá bỏ các cơ cấu tương tác; chuyển từ lời buộc tội lẫn nhau sang đe dọa; tăng cường gây sự; tạo ra hình ảnh "kẻ thù" và chuẩn bị xung đột.

2.6.2. *Giai đoạn phát triển xung đột*

Đây là giai đoạn đối đầu công khai giữa các bên bằng hành vi xung đột nhằm buộc bên đối địch từ bỏ mục tiêu hoặc thay đổi mục tiêu. Các nhà nghiên cứu đã phân ra một số loại hành vi sau:

- Hành vi xung đột chủ động (thách thức)
- Hành vi xung đột bị động (đáp trả thách thức)
- Hành vi xung đột nhượng bộ.

Ở giai đoạn này cũng có thể chia làm 3 giai đoạn phát triển của nó:

- Giai đoạn xung đột chuyển từ trạng thái tĩnh sang trạng thái đối đầu công khai giữa các bên. Ở giai đoạn này vẫn còn khả năng chấm dứt xung đột và giải quyết bằng biện pháp khác;

- Giai đoạn tiếp tục leo thang đối đầu. Hai bên phong tỏa hành động của đối thủ, sử dụng tất cả mọi nguồn lực. Ở giai đoạn này, những tìm kiếm sự hòa giải, nhượng bộ đều bị phá vỡ;

- Xung đột đạt tới đỉnh điểm và mang tính đối đầu tổng lực, áp dụng tất cả mọi lực lượng và phương tiện có thể có. Ở giai đoạn này, cả hai bên hình như quên cả nguyên nhân và mục đích xung đột, chỉ tập trung vào việc gây tổn thất tối đa cho phía bên kia.

2.6.3. *Giai đoạn giải quyết xung đột*

Khi xung đột phát triển đến một giai đoạn nào đó, các bên xung đột có sự thay đổi về nhận thức hay khả năng của mình và của đối thủ và xuất hiện nhu cầu đánh giá lại "các giá trị" xuất phát và ý thức được rằng việc đạt được mục tiêu đề ra phải trả giá quá đắt. Những thay đổi trên sẽ kích thích sự thay đổi sách lược và chiến lược hành xử trong xung đột và tình hình tranh chấp sẽ giảm xuống. Từ tình thế đó, hai bên có thể đi tìm kiếm những con đường thoát khỏi xung đột và quá trình xung đột dẫn đến chấm dứt.

Từ thực tiễn nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn giải quyết xung đột có thể xuất hiện

những vấn đề sau đây:

- Ưu thế rõ ràng của một bên cho phép nó áp đặt cho phía đối phương yếu hơn chấm dứt xung đột của mình;

- Tranh chấp đi đến sự thất bại hoàn toàn của một bên;

- Do thiếu nguồn lực, tranh chấp mang tính chất kéo dài;

- Do cạn nguồn lực nên cả hai bên không thể hiện rõ ưu thế, các bên đi tới nhượng bộ nhau trong xung đột.

- Xung đột cũng có thể bị ngăn chặn dưới áp lực của thế lực thứ ba.

Kết quả nghiên cứu những xung đột xã hội ở Việt Nam cũng rút ra một số hình thức chấm dứt xung đột như:

- Chấm dứt xung đột do hai bên dàn hòa (hòa giải) được với nhau;

- Chấm dứt xung đột do hai bên giải quyết nó "một cách không cân xứng", một bên thắng áp đảo;

- Chấm dứt xung đột do hai bên chuyển nó sang một sự đối đầu khác;

- Chấm dứt xung đột do có sự can thiệp từ thế lực khác hoặc do xung đột từ từ chấm dứt.³

Trong quản lý xã hội, để giải quyết xung đột người ta đề cập đến các tiền đề và cơ chế sau:

- Phải chuẩn đoán được sự đối đầu bao hàm cả việc làm sáng tỏ các nguyên nhân dẫn đến xung đột, các mục đích, động cơ hành động của các bên:

- Phân tích tình huống xung đột và phân tích lập trường của các bên.

- Dự báo diễn biến và các hậu quả của xung đột xã hội (cái được, cái mất của mỗi bên khi xung đột chấm dứt).

2.6.4. Giai đoạn hậu xung đột

Xung đột kết thúc, song điều đó không có nghĩa chấm dứt hoàn toàn cuộc đối đầu giữa các bên. Trên cơ sở nhường nhịn lại mục đích, lợi ích, hậu quả khi chấm dứt xung đột các đối thủ sẽ có cách nhìn nhận, đánh giá mới về nhau cũng như về môi trường xã hội xung quanh.

2.7. Tiêu chí về quy mô, mức độ, thời gian diễn ra xung đột

Đây là những chỉ số cơ bản để nhận biết, đánh giá xung đột xã hội.

2.7.1. Tiêu chí quy mô

Tiêu chí quy mô xung đột thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Số lượng người tham gia. Tiêu chí về số lượng, người tham gia là cơ sở giúp chúng ta nhận biết xung đột xã hội ở mức nào. Thí dụ: Nếu số lượng người tham gia từ 2-29 người có thể coi là xung đột ở mức độ nhỏ. Nếu có từ 30 đến 99 người tham gia - xung đột có quy

³ Võ Khánh Vinh (chủ biên). 2010. Xung đột xã hội - Một số vấn đề lý luận và Thực tiễn ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, tr. 57.

mô trung bình. Nếu trên 100 người tham gia - xung đột có quy mô lớn.

- Sự tham gia của nhiều nhóm xã hội, nhiều tầng lớp xã hội khác nhau cũng biểu hiện về quy mô của xung đột xã hội.

- Sự mở rộng xung đột xã hội ở nhiều vùng, nhiều nước (quy mô cục bộ hay quy mô mở rộng).

2.7.2. Tiêu chí về mức độ

Tiêu chí về mức độ được thể hiện ở những khía cạnh sau đây:

- Mức độ, tính chất của mâu thuẫn;
- Cường độ, nhịp độ của các hành vi xung đột;
- Mức độ xúc phạm tới danh dự của hai bên;
- Phương thức để đạt mục đích của hai bên: thương lượng, đối thoại, đàm phán hay sử dụng vũ lực;

- Phương pháp và cường lực chống trả;

- Thể hiện công khai hay ngầm ngấm.

2.7.3. Tiêu chí về thời gian

- Xung đột xã hội diễn ra lâu hay ngắn

- Khả năng bùng phát lại sau khi xung đột kết thúc

Thực tiễn cho thấy có những xung đột xã hội diễn ra trong một thời gian khá dài và thường xuất phát từ cơ sở chính trị và sắc tộc. Cội nguồn sâu xa của nhiều cuộc xung đột xã hội xảy ra trong điều kiện hiện nay nằm trong quá khứ xa xôi và trong độ sâu của tâm lý xã hội mà không phải lúc nào ta cũng có thể hiểu rõ được nguyên nhân của chúng. Mặt khác có những xung đột xã hội kết thúc nhanh chóng song cũng không có nghĩa là đã chấm dứt được tình huống xung đột vì chẳng bao lâu sau đó, cuộc xung đột lại bùng lên với một sinh lực mới.

2.8. Tiêu chí về hậu quả

Tiêu chí về hậu quả xung đột sẽ giúp chúng ta có cái nhìn đầy đủ hơn về chức năng của xung đột xã hội và mặt khác, cũng giúp cho các nhà quản lý xã hội thấy rõ hơn trách nhiệm và sự cấp thiết trong việc đổi mới, sáng tạo trong quản lý xung đột xã hội.

Hậu quả xung đột xã hội, xét về mặt chức năng được nhìn nhận theo 2 hướng:

- *Hậu quả tiêu cực*: Đó là những tổn thất về người, về kinh tế, sự bất đồng thuận, sự ảnh hưởng đến trật tự an ninh, an toàn xã hội.

- *Hậu quả tích cực*: Thông qua những hình thức thấp của xung đột xã hội như phản biện xã hội, đơn thư tố giác tham nhũng, cửa quyền; đình công, biểu tình phản đối việc gây ô nhiễm môi trường cũng góp phần tích cực trong việc mở rộng dân chủ hóa, đổi mới cơ chế chính sách, thay đổi thái độ và phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan công quyền, góp phần chống tham nhũng, lãng phí, đảm bảo môi trường sống.

Tóm lại, tám tiêu chí trên đây tạo nên hệ tiêu chí để nhận biết, đánh giá các xung đột xã hội ở nước ta hiện nay ở bất cứ loại hình nào, dù là xung đột xã hội về mặt kinh tế, văn

hóa hay xung đột xã hội về tôn giáo, dân tộc, đất đai, việc làm. Việc xác định số lượng các tiêu chí để nhận biết, đánh giá các xung đột xã hội cũng như làm rõ những tính chất, đặc trưng của từng tiêu chí chắc chắn cần phải được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và có sự thống nhất cơ bản. Mặc dù chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện song chúng tôi cho rằng hệ tiêu chí mà chúng tôi xây dựng chắc chắn ít nhiều có giá trị thực tiễn trong công tác quản lý xung đột xã hội ở nước ta hiện nay.

Tài liệu trích dẫn

Guo Jiemin. 2004. Thử bàn về dựng độ văn hóa trong quan hệ quốc tế. Viện Thông tin Khoa học xã hội, số 85, 86, Hà Nội, bản tiếng Việt.

Nguyễn Lâm. 2006. Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

Võ Khánh Vinh (chủ biên). 2010. Xung đột xã hội - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội.

Vũ Quang Hà. 2002. Xã hội học đại cương. Nxb Thống kê, Hà Nội, tr. 112-113.